

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG
phụng chiếu dịch

Sưu tập Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh lễ **Phổ Hiền**
Pháp Giới Chân Như Thế
Nay Ta y Đại Giáo
Kim Cương Đỉnh Thắng Sơ
Lược thuật nghi tu hành
Thắng Sơ Kim Cương Giới
Hải Hội các Thánh Chúng
Ban vui nhìn gia hộ
Lợi ích người tu hành
Vì thế nên kết tập
Nếu muốn cầu Giải Thoát
Y chỗ A Xà Lê
Cầu nhận nơi Quán Đỉnh
Nếu được hứa khả xong
Mới y Bản Giáo tu
Chọn lực được Thắng Xứ
Kiến lập nơi Luân Đàn
Tức nên tưởng thân mình
Đồng với **Thế Phổ Hiền**
Màu trắng như kha tuyết
Ngồi thẳng nhập Tam Muội
Trên lưỡi tưởng **Ngũ Cổ**
Chày Kim Cương tĩnh diệu
Mật tụng Chân Ngôn này
Đồng một Pháp Giới tịnh
Liên tụng Chân Ngôn là:
“An, sa-phộc bà phộc thú độ hàm”
罽 辱矢向 圩砰曳
OM SVABHÀVA ‘SUDDHA UHAM
Do tụng Chân Ngôn này
Thân Khí đều thanh tịnh

Quán Phật ở hư không
Trần khắp như hạt mè
Liên tụng **Biển Chiêu Minh**
Thấy chư Phật rõ ràng
Quán Phật Chân Ngôn là:
“**Khiêm, phộc nhật-la đà đô**”

丈 向忝四加

KHAM VAJRADHĀTU
Ứng mãn **Hạnh Phổ Hiền**
Cầu thành Tối Chính Giác
Thân tâm chẳng dao động
Trong Định, lễ chư Phật
Liên tụng Chân Ngôn là:
“**Ấn, tát phộc đát tha nga đa, bá ná mãn ná nam, ca lô nhĩ**”

𑖀 屹楠 凹卡丫凹 扒叨 向剎斛 一刎亦

OM SARVA THATHĀGATA PĀDA VANDANĀM KARA UMI

Bản Tôn Đại Ấn thành
Tiếp kết **Kim Cương Chưởng**
Hợp chặt giao phần đầu
Mật Ngôn xưng như vậy:
“**Phộc nhật-la nhạ lý**”

向忝仄印

VAJRA JĀLI
Liên tác **Kim Cương Phộc**
Minh ấy, bày như sau:
“**Phộc nhật-la mãn đà**”

向忝向神

VAJRABANDHA
Mở Phộc, đẩy võ tim
Nên tụng Mật Ngôn là:
“**Phộc nhật-la mãn đà, đát-la tra**”

向忝向神 泣誑

VAJRABANDHA TRĀṬ
Tiếp Kim Cương Phộc trước
Mở Thiên Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út)
Xưng khắp vào Chân Ngôn
Giáng lâm mỗi gia trì
“**Phộc nhật-la phệ xá, ác**”

向忝 狛甩在 珩

VAJRA AVI'SA AḤ

Chẳng sửa Khế lúc trước
Thiên Trí (2 ngón cái) gia Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Đây là Tam Muội Quyền
Chân Ngôn tụng như vậy:

“Phộc nhật-la mẫu sắt-trí, hàm”

向忝 觜油 圳

VAJRA MUṢṬI VAM

Chia quyền ấy làm hai

Trái mạn (?) phải an tim

Thân Ngữ Ý Kim Cương

Hình thể như Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)

Đồng Phộc trước làm chuẩn

Trí (ngón cái trái) và Tiến (ngón trỏ phải) như cửa

Thiên (ngón cái phải) ép ở giữa ấy

Bí Mật Tam Muội Khế

Ấn: tim, trán, họng, đỉnh

Đều tụng Chân Ngôn này:

“Tổ la đa, tát-đát-noan”

鉏先凹 齋

SURATA STVAM

Kim Cương Phộc giao bày

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) thành dạng đao

Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn cạnh đao

Y vạch đầu thứ nhất

Thiên (ngón cái phải) đè ở đầu Trí (ngón cái trái)

Như thế ngồi Kiết Già

Ấn đỉnh, tim nên tưởng

Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana Buddha)

Trang nghiêm màu trắng tinh

Tụng Chân Ngôn này là:

“An, bộ khiếm”

遇 滯 磨

OM BHUḤ KHAM

Tiếp nên ấn vằng trán

Nên tưởng **A Súc Bệ** (Akṣobhya Buddha_ Bất Động Phật)

Màu xanh ở phía trước

Tụng Mật Minh này là:

“Phộc nhật-la tát-đát-phộc”

向忝屹兹

VAJRASATVA

Tiếp ấn bên phải đỉnh

Tên là **Bảo Sinh Tôn** (Ratnasambhava Buddha_Bảo Sinh Phật)

Tướng đoan nghiêm màu vàng

Chân Ngôn tụng như vậy:

“Phộc nhật-la la đát-na”

向忝先湔

VAJRARATNA

Nâng để phía sau đỉnh

Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitayus Buddha)

Nghi thù đặc màu đỏ

Xưng Chân Ngôn này là:

“Phộc nhật-la đát ma”

向忝叻獲

VAJRADHARMA

Lại để bên trái đỉnh

Bất Không Thành Tự Tôn (Amoghasiddhi Buddha)

Màu lục, đồng năm Phật

Xưng Mật Minh này là:

“Phộc nhật-la yết ma”

向忝一愍

VAJRAKARMA

Tiếp tác **Bảo Man Khế**

Quán Đỉnh dùng nghiêm thân

Đem hai Kim Cương Quyển

Quấn vòng quanh trước trán

Lại chia quyển sau ót

Như trước cột vòng hoa

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

Buông xuống ở hai bên

Như tưởng rũ đai lụa

Tụng tiếp Chân Ngôn sau:

“An, phộc nhật-la ma la, tịch tru tả mãn, hàm”

遇 向忝交匠石翅弋 赧 圳

OM VAJRAMĀLA ABHIṢIMCA MĀM VAM

Đều duỗi cánh Đỉnh Tuệ (2 bàn tay)

Cùng thành tự **Phách Khế**

Hay thích tất cả Thánh

Chân Ngôn xưng như vậy:

“Phộc nhật-la đố sử-dã, hộc”

向忝 加併 赳

VAJRA TUṢYA HOḤ

Kim Cương Mạn Ấn Minh

Lắng tâm tụng một biến:

“Tát noan, cũ lỗ, dã tha, tố khiếm”

屹櫛 乃冰 伏卡 鉏磨

SARVAM KURU YATHA SUKHAM

Lại đủ Minh như trên

Mão Kim Cương Tát Đỏa (Varasatva)

Dùng sắc thân năm Phật

An trụ Ấn tương ứng

Biển Chiếu Bạc Già Phạm (Vairocana bhagavam)

Khế trụ Kim Cương Quyển

Tiếp Đông, **A Súc Bệ** (Akṣobhya)

Định vũ (tay trái) cầm góc áo

Thành quyền an trên tim

Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi

Thí Nguyên Bảo Sinh Tôn (Ratnasambhava)

Trí chưởng (lòng bàn tay phải) ngửa ngang vú

Vô Lượng Quang (Amitàbha) **Thắng Ấn**

Định Quyển (quyển trái) mạn cầm sen

Tuệ quyền (Quyển phải) tựa bóc hoa

Lại như Vô Động Phật

Trí Vũ (tay phải) tướng ba phan (3 cây phan)

Như bạt tế Hữu Tình

Giương chưởng ở bên vú

Bất Không Thành Tựu Ấn (Amoghasiddhi mudra)

_ Lại tác Kim Cương Phộc

Mở chưởng hợp Thiền Trí (2 ngón cái)

Đàn Tuệ (2 ngón út) như ngọn núi

Nhấn Nguyển (2 ngón giữa) vào trong chưởng

Hợp nhau như mũi tên

Ấn:tim, trán, cổ họng

Ở đỉnh cũng như thế

Đều dùng Tâm Mật Ngữ:

“Hồng”

嫿

HÙM

Liên dâng nước thơm ấy

Xưng Ất Già Minh sau:

**“Bả la ma tố khư xả dã (1) Sa la lý đa (2) Vĩ la sa năng nhĩ đới la-năng ma nhĩ
bà nga noan, đam (3) nhược hồng noan học (4) Tứ tứ tứ tứ (5) Bát-la để xa (6) củ tố
mãn nhạ lý la-năng tha (7)”**

扔先互鉏刀在伏 屹匡 印凹 合匠屹巧亦匆嗣 交 亦 矛丫圳 仟 切 嫫
嶧 赳 扛 扛 扛 扛 盲刊欸 乃鉏艸 介印嗑卡

PARAMASUKHÀ'SAYA _ SALALITA _ VILÀSANAMITAURNA MÀ MI
BHAGAVAM TAM _ JAḤ HÙM VAM HOḤ _ HI HI HI HI _ PRATÌCCHA _
KASUMÀM JALIRNÀTHÀ

Gần vầng trán dăng hiến
Như Nghi tẩm Thánh Chúng
Y trước quán trắng đầy
Trắng tinh hiện trong Đàn
Đại Thánh ở khoảng giữa
Khế trụ Kim Cương Mạn
Lại bày bốn Tôn Vị
Mắt, mũi tên ngay trước
Màu đỏ, quần áo đỏ
Mão tóc dùng nghiêm sức
Hai tay giương cung tên
Nghi ngửa nhìn Tát Đỏa
Kế Lý Kế La Tôn (Kilikila)
Màu trắng ở bên phải
Kim Cương Quyền hai tay
Giao ôm Tam Muội Gia
Ở sau, gọi là **Ái**
Hình, mắt đều màu xanh
Hai quyền dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)
Định vũ (tay trái) nâng chỏ phải
Cùng cầm phướng Ma Kiệt
Bên trái gọi là **Mạn**
Màu vàng, quyền tại háng
Hương trái hơi cúi đầu
Yết Ma Ấn Chân Ngôn
Gia trì để an lập
Đại Thánh Kim Cương Mạn
Nên tụng Tâm Mật Ngôn:
“Hàm”
嫫
HÙM
Các Tôn bày thứ tự
Khởi đầu từ con mắt
Hai quyền đều bền chắc
Nghi giương cung buông tên
Tướng Mật Khế đã thành
Bí Minh, tụng như sau:

“Nhược, phộc nhật-la địa-lý sắt-tri, sa dã kế, ma tra”

切 向忝 呷泚 屹伏了 互誑

JAḤ VAJRA DRṢṬI SAYAKE MAṬ

Dựa quyển trước, hai vũ (2 tay)

Giao cánh tay ôm ngực

Kế Lý Kế La Tôn (Kilikila Nàtha)

Nên tụng câu sau này:

“Hàm, phộc nhật-la kế lợi cát lệ, hàm”

嚙 向忝七印七同 猊

HUM VAJRAKILIKILE HUM

Lại sửa tiếp Ấn trước

Tuệ Tý (cánh tay phải) dựng như phướng

Định quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ

Tụng Minh tên **Ái Khế**

“Hàm, phộc nhật-lị nễ, sa-ma la , la tra”

圳 向忽仗 櫛先 先誑

VAM VAJRINI SMÀRA RAṬ

Hai quyền đều ở háng

Nghiêng đầu về vai trái

Tướng Mạn Khế mới thành

Chân Ngôn tụng như sau:

“Hộc, phộc nhật-la ca minh thấp-phộc lị, đát-lam”

赳 向忝乙伙郟共 鋌

HOḤ VAJRAKÀME'SVARI TRÀM

Tiếp bày **Nội Cúng Dường**

Khởi đầu góc Đông Nam

Hình dâng hoa, áo trắng

Kim Cương Diệu Thích Duyệt

Kim Cương Thích Duyệt Tính

Màu đen cầm lư hương

Kim Cương Nhãn hiến đèn

Màu sắc đỏ nghiêm sức

Bụi làm Đồ Hương Vị

Kim Cương Đại Cát Tường

Hình chất đều màu vàng

_ Tiếp bày tướng Khế ấy

Trước tiên, hai quyền múa

Như Nghi vừa kết thành

Dùng hai Kim Cương Quyền

Kèm lên trên bung ném

Tưởng diệu hoa cúng dường

Chân Ngôn xưng như sau:

“Hệ, phộc nhật-la la để”

旨 向忝 先唯

HE VAJRA RATIH

Kèm quyền xuống dưới, ném

Như biển mây hương đốt (Thieu Hương)

Trần lan khắp tất cả

Tụng Chân Ngôn như sau:

“Ma ha la đa, phộc nhật-la hộc”

互扣 先凹 向忝 赳

MAHÀ RATA VAJRA HOH

Hai quyền hợp Thiên Trí (2 ngón cái)

Như đèn, nên vận tưởng

Rộng thí làm Phật sự

Mật Ngôn xưng như vậy:

“An, phộc nhật-la lộ giả ninh”

遇 向忝 吐弋弁

OM VAJRA LOCANE

Kèm che hai quyền ấy

Y ôm hai hướng buông

Như thế Diệu Đồ Hương

Nên tụng Chân Ngôn này:

“Ma ha thất-li phộc nhật-li, tứ”

互扣潔向忽 櫛

MAHÀ 'SRÌ-VAJRI HIH

Các Tôn Ngoại Cúng Dường

Bốn góc lại tồn tưởng

Đông Nam tên Hy Hý

Hai quyền để ngang tim

Tiểu ngụ ở Tây Nam

Hai vũ (2 tay) buông bên miệng

Ca trụ ở Tây Bắc

Đàn, cầm Không Hầu ấy

Đông Bắc Vũ là tên

Như Nghi, thế xoay chuyển

Hình, quần áo màu vàng

Chân Ngôn Khế lại bày

Che kèm ở hai quyền

Buộc tim chuyển bên phải

Đây là Hy Hý Ấn

Mình ấy xưng như sau:

“**Hệ, la đễ, phộc nhật-la, vĩ la tứ nễ, đát-la tra**”

旨 先凸 向忝合匡帆市 氛誑

HE RATI VAJRA-VILASINI TRAT

Như trước ấn bên miệng

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) buông dần

Giương chướng duỗi cánh tay

Cười mỉm (hàm tiếu) tụng Chân Ngôn:

“**Hệ, la đễ, phộc nhật-la hạ tế, ha ha**”

旨 先凸 向忝成弛 成 成

HE RATI VAJRA-HASE HA HA

Định Tý (cánh tay trái) như Không Hầu (một loại đàn)

Sửa Tiến Lực (2 ngón trở) hơi co

Tuệ vũ (tay phải) thế gảy đàn

Là **Ca** , tụng Minh ấy:

“**Hệ, la đễ, phộc nhật-la nghi đễ, đễ đễ**”

旨 先凸 向忝輒包包包

HE RATI VAJRA-GÌTE TE TE

Hai quyền múa ở tim

Hợp trên đỉnh liền buông

Tên là **Vũ Khế Tướng**

Chân Ngôn Cú liền bày:

“**Hệ, la đễ, phộc nhật-la nễ-lị đễ, phệ ba phệ ba**”

旨 先凸 向忝埒抖 吒扔 吒扔

HE RATI VAJRA-NRTYE VEPA VEPA

Bốn **Thừa Chỉ** ở cửa

Hình Nghi lại diễn bày

Sơ (khởi đầu) **Trì Câu** (AMKU'SA_Câu)màu xanh

Nghiêm lệ ở tại cửa

Đông **Trì Sách** (PÀ'SA_Sách) màu vàng

Tây **Trì Tỏa** (SPHOT_A_Tỏa)màu đỏ

Bắc ấy tên là **Khánh** (GHAMTA_Linh)

Mão tóc màu xanh lục

Bí Khế với Chân Ngôn

Thứ tự nay sẽ nói

Lưng hai quyền lấn nhau

Ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau

Tiến Lực (2 ngón trở) duỗi hết mức

Lại hơi co Tiến Độ (Ngón trở phải)

Hơi triệu là **Câu Khế**

Minh ấy xưng như sau:

“**Phộc nhật-lãng củ thể, nhược**”

向轉乃多 切

VAJRA AMKU'SE JAḤ

Ấn trước giao Tiến Lực (2 ngón trở)

Ngược đem đầu vịn nhau

Chính giữa như vòng dây

Xưng tụng Chân Ngôn sau:

“Phộc nhật-la bá thể, hồng”

向忝扒多 猪

VAJRA PÀ'SE HÙM

Sửa Tiến Lực (2 ngón trở) móc nhau

Mở lưng quyền giao tý (giao cánh tay)

Liên thành tên **Tỏa Khế**

Mật Ngôn xưng như vậy:

“Phộc nhật-la thượng ca lệ, hàm”

向忝奸一刑 圳

VAJRA 'SAMKARE VAM

Như Tỏa, lưng dính nhau

Lay động, **Khánh Minh** là:

“Phộc nhật-la kiến tai, hộc”

向忝子戈 赳

VAJRA GHAMṬE HOḤ

Đại Thánh nơi nghiêm sức

Tòa Hoa với quần áo

Còn lại nhìn Tôn trước

Màu sắc tùy thân tướng

Hình thù đủ mọi Đức

Đầu đội mào năm Phật

Xây dựng Mạn Trà La (Maṇḍala)

Các **địa vị** tôn tướng

Vành trăng tròn sáng hiện

Trong đó nên Quán Niệm

Bán Già, mặt Bản Tôn

Vui thích trụ chiêm ngưỡng

_Lại nói Tam Muội Gia

Bản Tôn, trước đã bày

Khế ấy với Chân Ngôn

Như Nghi dừng sai lầm

Tôn khác, tiếp nên làm

Cũng mất, tên (mũi tên) làm trước

Chỉ sự Hộ Thân ấy

Đại Lạc Tùy Tâm Ấn

Co gập hết Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Lưng phần đầu dính nhau
 Thiên Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi
Nhiễm Giao Ấn liền thành
 Tên **Kế Lý Kế La** (Kilikila)
 _ Tiếp bày tướng Ma Kiệt
 Tiến Độ (ngón trỏ phải) móc Nguyễn Độ (ngón giữa trái)
 Giới Phương (2 ngón vô danh) duỗi thành kim
 Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng
 Thiên Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau
 Đầu đê bên Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Tướng **Ái Khế** đã thành
 _ Chẳng sửa Ấn lúc trước
 Từ ngoài chạm bấp vế
 Phải trái cũng như vậy
Nội Cúng Đường với Minh
 Nghiêng vắn Kim Cương Chưởng
 Ném trên làm **Hoa Ấn**
 Chẳng bung thành **Thieu Ấn** (Thieu Hương Ấn)
 Thiên Trí (2 ngón cái) bức thành **Đặng** (Đền sáng)
Đồ Hương y ngực mở
Hỷ Hỷ chuyển xoay lẽ
Tiểu Khế sát bên miệng
 Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần
 Lại kết **Ca Ấn** ấy
 Sửa Tiến Độ (ngón trỏ phải) hơi co
 Định vũ (tay trái) Khư Tra Ca
 Tuệ (tay phải) tác tướng Tam Tràng (3 cây phượng)
 Ở trái tim, xoay múa
Tám Cúng Đường đã điều
 _ Tiếp kết Kim Cương Phộc
 Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi co
 Triệu dần, **Câu Khế** ấy
 Từ Phộc, **sách** sẽ sinh
 Thiên Độ (ngón trái phải) mở Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ trái)
 Ấn thành lại làm **Tỏa**
 Hoàn Tiến (ngón trỏ phải) Thiên (ngón cái phải) Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ
 trái)
 Vịn xong liền thành câu (móc câu)
 _ Lại tác Kiên Cố Phộc
 Thiên Trí (2 ngón cái) dưới Giới Phương (2 ngón vô danh)
 Ngay ngực liền dao động

Làm **Khánh**, bốn **Nhiếp** thành

Tam Muội Gia Chân Ngôn

Đồng câu Yết Ma trước

Kim Cương Tát Đỏa vị

Với nơi Hành Giả ở

Đều có mười sáu Tôn

Vây quanh đoàn nghiêm trụ

_Lại **Tụng**, tiếp đã bày

Tán Tối Thắng chân thật

Có thể vừa xưng niệm

Mau khiến tròn Tất Địa

“**Ma ha tố khư (1) Ma ha la nga (2) Ma ha phộc nhật-la (3) Ma ha đà na (4) Ma ha chỉ-nhương na (5) Ma ha yết ma (6) Phộc nhật-la tát đát-phộc nễ-dã (7) Tất địa-dã minh (8)**”

互扣 鉏几 互扣 全丫 互扣 向忝 互扣 叻巧 互扣 鄙巧 互扣 一愍
向忝屹兹 改 帆肆 亦

MAHÀ SUKHA _ MAHÀ RÀGA _ MAHÀ VAJRA _ MAHÀ DHANA _ MAHÀ
JÑÀNA _ MAHÀ KARMA _ VAJRASATVA DYA _ SIDDHYA MI

Tụng Tán, tiếng xong rồi

Quán niệm Bản Sở Tôn

Thân tâm chẳng tán loạn

Nân đội nơi Châu Man (tràng hạt)

Ngay tim dùng gia trì

Rồi tụng Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la ngu tứ-dã, nhạ ba, tam ma duệ, hồng**”

𑖀 向忝 么鉏 仄扔 屹互份 猪

OM VAJRA GUHYA JÀPA SAMAYE HÙM

_Tiếp tụng Bản Sở Tôn

Cầm chuỗi trụ **Đẳng Dẫn**

Chẳng lay động đầu lưỡi

Môi răng đều hợp nhau

Kim Cương Ngũ lìa tiếng

Rõ ràng, quán tướng tốt

Bốn Thời chẳng gián đoạn

Xong trăm ngàn (10 vạn biến) làm hạn

Hoặc lại vượt số ấy

Chân Ngôn xưng như vậy”

“**An, phộc nhật-la tát đát-phộc, ác**”

𑖀 向忝屹兹 珩

OM VAJRASATVA AH

Niệm tụng phần hạn xong

Nâng chuỗi phát Nguyên lớn (Đại Nguyên)

Liên kết **Căn Bản Ấn**

Tụng **Bản Minh** bảy biến

Lại tu **tám Cúng Dường**

Dùng diệu thanh tụng tán

Dâng hiến nước Ất Già

Giải Giới với các Ấn

Liên kéo Tam Muội Quyển

Mật Tụng rồi kéo mở

Tiếp kết **Yến Ma Noa**

Ba tụng ba mở tay

Mỗi một nơi sinh Ấn

Mỗi mỗi tự sẽ giải

Liên tụng Chân Ngôn là:

“Ấn, phộc nhật-la, mục”

唵 向忝屹兹 郢

OM VAJRA MUḤ

Tiếp kết **Phụng Tống Ấn**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Dựng Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) như kim

Tụng xong, ném lên trên

Rồi tụng Chân Ngôn là:

**“Ấn, cật-lị đồ phộc tát phộc tát đất-phộc la-tha, tất địa ná đa dã tha nỗ nga
nghiệt xa đặc-phạm, bột đà vĩ sái lam, bố na la nga ma na dã đồ. Ấn, phộc nhật-la tát
đất-phộc, mục”**

唵 郢北地 屹益 屹班飲 帆盞僅臬伏卡毛丸丫戛巉 后湫 合好兇

旦巧全丫 互巧 伏加 唵 向忝屹兹 郢

OM KRTOVAḤ SADDHA SATVÀRTHA SIDDHIRDATTÀ YATHA
ANUGÀGACCHADHVAM BUDDHA VIṢAYAM PUNARÀGA MANAYATU _
OM VAJRASATVA MUḤ

Tiếp nên kết **Bảo Ấn**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu

Thiền Trí (2 ngón cái) cũng như thế

Ấn tướng từ tim khởi

Đặt ở nơi Quán Đỉnh

Chia tay như hệ man (cột vòng hoa)

Cũng thành **Giáp Trụ Ấn**

Chân Ngôn xưng như vậy:

**“Ấn, phộc nhật-la la đất-na tỳ tru giả hàm. Tát phộc mẫu nại-la mê nại-lị trĩ củ
lồ, phộc la ca phộc chế na_ Phạm”**

𧪗 向忝先寒 挑石如弋𧪗 屹楠觜治 伙 𧪗托 乃冰 向忝 一名中巧 圳

OM – VAJRA RATNA ABHIṢIMCA MĀM- SARVAMUDRA ME, ḌRDHI
KURU, VAJRA KAVĀCENA – VAM

Gia trì **Bị Giáp** xong

Ngay chưởng vỗ ba lần

Khiến Thánh Chúng vui vẻ

Dùng Chân Ngôn Ấn này

Giải Phộc được vui vẻ

Rồi tụng Chân Ngôn là:

“Ấn, phộc nhật-la đở sắt-dã, hộc”

𧪗 向忝 加併 𧪗

OM VAJRA TUṢYA HOḌ

Phụng Tống Thánh Chúng xong

Tự tác Gia Trì, dứt

Liên ra khỏi Đạo Trường

Tùy ý tự Kinh Hành

Chuyển đọc Đại Thừa Điển

Điều tức thân tâm mình

Tâm thường tưởng Bản Tôn

Nhân Giả nên tuân phụng

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT

NIỆM TỤNG PHÁP

(Hết)

27/07/2006

